

**CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024***(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)**ĐVT: đồng*

<b>NỘI DUNG THU</b>	<b>DỰ TOÁN</b>	<b>NỘI DUNG CHI</b>	<b>DỰ TOÁN</b>
<b>TỔNG SỐ THU</b>	<b>8.573.270.000</b>	<b>TỔNG SỐ CHI</b>	<b>8.573.270.000</b>
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	38.300.000	I. Chi đầu tư phát triển	1.867.000.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ <sup>(1)</sup>	32.000.000	II. Chi thường xuyên	6.609.115.000
III. Thu bổ sung	8.502.970.000	- VSN các CTMTQG	1.639.400.000
- Bổ sung cân đối	4.209.588.000	- Chi thường xuyên	4.969.715.000
- Bổ sung CCTL	629.042.000		
- Bổ sung có mục tiêu	3.664.340.000	III. Dự phòng	97.155.000
IV. Thu chuyển nguồn			

*Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã*

**DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024***(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)*

ĐVT: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2024	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	3	4
	<b>TỔNG THU</b>	<b>8.597.970.000</b>	<b>8.573.270.000</b>
<b>I</b>	<b>Các khoản thu 100%</b>	<b>38.300.000</b>	<b>38.300.000</b>
	Phí, lệ phí	9.200.000	9.200.000
	Lệ phí trước bạ	8.000.000	8.000.000
	Thuế thu nhập cá nhân	11.100.000	11.100.000
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định		
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định		
	Đóng góp của nhân dân theo quy định		
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân		
	Thu khác	10.000.000	10.000.000
<b>II</b>	<b>Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)</b>	<b>56.700.000</b>	<b>32.000.000</b>
1	Các khoản thu phân chia		
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình		
	Thuế thu nhập cá nhân	32.000.000	32.000.000
	Thuế GTGT	24.700.000	
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định		
	...		
<b>III</b>	<b>Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)</b>		
<b>IV</b>	<b>Thu chuyển nguồn</b>		
<b>V</b>	<b>Thu kết dư ngân sách năm trước</b>		
<b>VI</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>8.502.970.000</b>	<b>8.502.970.000</b>
	- Thu bổ sung cân đối	4.838.630.000	4.838.630.000
	- Thu bổ sung có mục tiêu	3.664.340.000	3.664.340.000

**UBND xã Hà Hiệu**

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024**  
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2	
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
A	B	1=2+3	2
	<b>TỔNG CHI</b>	<b>8.573.270.000</b>	<b>1.867.000.000</b>
	Trong đó		
1	Chi giáo dục		
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ		
3	Chi y tế		
4	Chi văn hóa, thông tin	30.800.000	
5	Chi phát thanh, truyền thanh	30.312.000	
6	Chi thể dục thể thao	-	
7	Chi bảo vệ môi trường	5.000.000	
8	Chi các hoạt động kinh tế	25.000.000	
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	8.369.603.000	1.867.000.000
	Các CTMTQG		1.867.000.000
10	Chi cho công tác xã hội	15.400.000	
11	Chi khác	-	
12	Dự phòng ngân sách	97.155.000	

**Biểu số 110/CK TC-NSNN**

*DVT: đồng*

<b>024</b>
<b>THƯỜNG XUYÊN</b>
3
<b>6.706.270.000</b>
30.800.000
30.312.000
5.000.000
25.000.000
6.502.603.000
15.400.000
97.155.000

**DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2024***(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)*

ĐVT: đồng

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2023	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2023	Dự toán năm 2024			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách TW	Nguồn đối ứng NS tỉnh
<b>TỔNG SỐ</b>						<b>1.867.000.000</b>		<b>1.771.000.000</b>	<b>96.000.000</b>
<b>1. Công trình chuyển tiếp</b>						<b>972.000.000</b>		<b>929.000.000</b>	<b>43.000.000</b>
Trong đó: hoàn thành trong năm									
<b>CTMTQG XDNTM</b>						<b>528.000.000</b>		<b>504.000.000</b>	<b>24.000.000</b>
Mương Cốc Bó, thôn Đông Đăm	2023-2024	1.429.000.000	379.000.000	522.000.000	522.000.000	528.000.000		504.000.000	24.000.000
<b>CTMTQG PTKTXH Vùng ĐB DTTS và MN</b>						<b>444.000.000</b>		<b>425.000.000</b>	<b>19.000.000</b>
Mở mới đường Đông Đăm -Lũng Tráng (giai đoạn 2)	2023-2024	835.000.000		391.000.000	391.000.000	444.000.000		425.000.000	19.000.000
<b>2. Công trình khởi công mới</b>						<b>895.000.000</b>		<b>842.000.000</b>	<b>53.000.000</b>
<b>CTMTQG XDNTM</b>						<b>304.000.000</b>		<b>289.000.000</b>	<b>15.000.000</b>
Đập mương Khuổi Chu, thôn Nà Ma	2024					199.000.000		189.000.000	10.000.000
Mương Nà Vài, thôn Bản Mới	2024					105.000.000		100.000.000	5.000.000
<b>CTMTQG PTKTXH Vùng ĐB DTTS và MN</b>						<b>591.000.000</b>		<b>553.000.000</b>	<b>38.000.000</b>
<i>Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i>						<i>591.000.000</i>		<i>553.000.000</i>	<i>38.000.000</i>
Mở mới đường Đông Đăm -Lũng Tráng (giai đoạn 3)	2024					591.000.000		553.000.000	38.000.000

## KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2024

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

ĐVT: đồng

NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2023			KẾ HOẠCH NĂM 2024		
	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)
	23.000.000	14.000.000	9.000.000	29.000.000	16.000.000	13.000.000
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>23.000.000</b>	<b>14.000.000</b>	<b>9.000.000</b>	<b>29.000.000</b>	<b>16.000.000</b>	<b>13.000.000</b>
1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách						
Quỹ đền ơn đáp nghĩa	4.000.000	2.000.000	2.000.000	5.000.000	2.000.000	3.000.000
Quỹ bảo trợ trẻ em	4.000.000	2.000.000	2.000.000	5.000.000	2.000.000	3.000.000
Quỹ người cao tuổi	3.000.000	2.000.000	1.000.000	4.000.000	2.000.000	2.000.000
Quỹ nạn nhân chất độc da cam/dioxin	3.000.000	2.000.000	1.000.000	4.000.000	2.000.000	2.000.000
Quỹ vì người nghèo	5.000.000	4.000.000	1.000.000	5.000.000	3.000.000	2.000.000
Quỹ chữ thập đỏ	2.000.000	1.000.000	1.000.000	4.000.000	3.000.000	1.000.000
Quỹ xóa đói giảm nghèo	2.000.000	1.000.000	1.000.000	2.000.000	2.000.000	-
2. Các hoạt động sự nghiệp						

Ghi chú: Chênh lệch (+) thu lớn hơn chi

Chênh lệch (-) thu nhỏ hơn chi